

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (103) ĐH Công nghệ thông tin

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2					
	CSH A	45		Phạm Song	Anh	02.05.93		2.75	6.50	4.25	13.50		1	(05.10) H. Bắc Quang
	THV A	342		Nguyễn Thị Thanh	Dung		11.11.93	2.75	4.75	4.50	12.00		2NT	(16.03) H. Lập Thạch
	TMA A	4131		Nguyễn Khánh	Duy	18.06.93		3.25	5.75	3.50	12.50		2NT	(1B.17) Huyện Ba Vì
	THV A	427		Nguyễn Ngọc Anh	Đào		23.01.93	4.50	3.00	4.00	11.50		1	(15.08) H. Thanh Sơn
	MDA A	3108		Trần Đức	Giang	25.07.93		5.00	5.00	2.50	12.50		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	GHA A	3916		Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		20.04.93	3.00	5.00	4.50	12.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV A	793		Nguyễn Thị	Hiên		20.11.93	4.00	3.50	4.50	12.00		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	GHA A	6514		Nguyễn Trung	Kiên	01.05.93		5.00	3.50	4.75	13.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	BKA A	6114		Hoàng Huy	Lượng	13.09.92		3.25	5.25	4.50	13.00		1	(15.03) H. Đoan Hùng
	DTE A	13391		Trần Thị	Ly		14.03.93	1.25	7.25	3.50	12.00		1	(15.03) H. Đoan Hùng
	TMA A	17041		Đình Bảo	Mạnh	12.07.93		2.50	5.25	4.50	12.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	DCN A	34943		Nguyễn Thị	Nhung		12.02.93	5.25	3.75	3.50	12.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	THV A	2210		Bùi Hồng	Quân	11.06.92		4.50	3.50	3.50	11.50		1	(15.10) H. Lâm Thao
	KQH A	933		Nguyễn Hồng	Quân	28.02.93		4.50	4.00	4.25	13.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA A	22488		Đào Tiến	Quyên	13.08.93		4.25	4.50	4.75	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	CSH A	2583		Nguyễn Ngọc	Thành	20.10.93		0.75	6.50	4.75	12.00		1	(15.11) H. Tam Nông
	THV A	2702		Đình Thị Thu	Thúy		14.04.93	4.25	5.75	3.25	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	QHT A	8353		Đình Thị Thanh	Thư		09.07.93	2.75	4.50	2.50	10.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV A	2871		Nguyễn Thị Thu	Trang		30.03.93	4.00	3.50	4.50	12.00		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	THV A	2930		Trần Thị	Trang		28.09.93	3.50	4.50	4.50	12.50		2NT	(16.06) H. Bình Xuyên
	PCH A	622		Bùi Mạnh	Tuấn	08.04.92		4.25	5.50	2.75	12.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	LAH A	2855		Phạm Anh	Tuấn	05.09.93		3.50	4.25	5.50	13.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà

Danh sách gồm 22 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (201) ĐHSP Hóa học

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	LAH A	413		Dương Ba	Duy	28.03.93		3.00	4.50	4.50	12.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	NHH A	2630		Khúc Duy	Hải	28.10.93		5.75	4.50	2.75	13.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	DDL A	3896		Bùi Thị Ngọc	Huế		02.03.93	6.75	4.00	3.25	14.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	TMA A	12372		Trần Thị Thu	Hương		12.09.93	6.25	5.50	5.50	17.50		1	(15.11) H.Tam Nông
	TMA A	14706		Cao Thị Khánh	Linh		06.10.93	5.75	6.00	4.00	16.00		1	(15.11) H.Tam Nông
	KHA A	8475		Nguyễn Thị Kiều	Loan		22.01.92	6.00	4.25	4.00	14.50		1	(15.08) H. Thanh Sơn
	TMA A	15918		Nguyễn Văn	Long	15.01.93		3.25	5.75	7.00	16.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	HTC A	5604		Nguyễn Thị	Mai		13.07.93	5.25	6.50	5.25	17.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	DKH A	1998		Nguyễn Thị	Ốn		29.08.93	5.25	5.50	5.75	16.50		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	SPH A	2545		Lê Hồng	Quang	04.03.90		4.50	5.50	5.75	16.00		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	KPH A	188		Trần Quang	Sơn	01.10.93		4.75	5.50	3.50	14.00		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	SPH A	2580		Hà Thị	Thảo		07.07.93	2.50	4.00	4.50	11.00	01	1	(15.11) H.Tam Nông
	TMA A	25476		Bùi Thị	Thoa		20.11.93	4.25	5.50	5.75	15.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	TMA A	32568		Đinh Thị Hải	Yến		27.06.93	4.50	5.00	4.25	14.00		1	(15.06) H. Cẩm Khê

Danh sách gồm 14 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (301) ĐHSP Sinh học

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	DTY B	6348		Nguyễn Thị	Hoa		07.11.93	6.50	4.50	4.50	15.50		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	DTY B	7656		Đỗ Thị Thu	Huyền		23.05.93	5.75	7.25	2.25	15.50		1	(15.11) H.Tam Nông
	DTY B	11410		Nguyễn Thị	Mai		28.08.93	6.00	6.00	3.50	15.50		1	(16.03) H. Lập Thạch
	YTC B	1448		Nguyễn Thị	Nghĩa		07.02.93	6.00	5.50	5.00	16.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	DTY B	13291		Phạm Thị	Nguyệt		26.02.92	7.75	4.75	3.25	16.00		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	DTY B	13491		Phan Thị Thanh	Nhi		01.01.93	6.25	5.25	3.75	15.50		1	(15.07) H. Yên Lập
	DTY B	13708		Nguyễn Thị Hồng	Nhung		13.10.93	5.75	6.75	3.75	16.50		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	DTY B	14425		Nguyễn Thị	Phương		14.12.93	6.75	4.50	5.75	17.00		1	(15.03) H. Đoan Hùng
	DTY B	15440		Nguyễn Phương	Quý	23.11.93		9.25	6.50	5.25	21.00		3	(15.09) H. Phù Ninh
	DTY B	17524		Đặng Kim	Thoa		26.03.93	8.50	5.25	3.25	17.00		1	(15.11) H.Tam Nông
	DTY B	20335		Đinh Bảo	Tuấn	05.06.93		6.75	6.50	4.00	17.50	01	2	(15.08) H. Thanh Sơn
	DTY B	21050		Nguyễn Xuân	Tùng	05.06.93		5.75	4.25	3.50	13.50	01	1	(15.07) H. Yên Lập

Danh sách gồm 12 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (304) ĐH Khoa học cây trồng

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	VUI	B	3021	Sái Ngọc	Anh	20.12.93		4.50	4.00	3.25	12.00		1	(09.05) Huyện Yên Sơn
	YQH	B	721	Lê Thành	Chung	11.04.93		7.50	3.00	2.75	13.50		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	A	834	Ngô Duy	Hiệu	23.08.91		4.25	4.50	3.00	12.00		1	(15.07) H. Yên Lập
	NNH	B	9164	Lê Mạnh	Hoàng	07.02.93		6.00	3.25	4.00	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA	A	10650	Trần Minh	Huệ		06.04.93	4.00	4.75	3.25	12.00		2	(15.09) H. Phù Ninh
	MHNB		11962	Nguyễn Thị Khánh	Linh		15.12.93	6.00	4.00	3.00	13.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	THV	B	3803	Nguyễn Thị	Mơ		12.01.92	4.25	3.00	2.50	10.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	DTY	B	12863	Đặng Trần	Ngọc		13.12.93	5.00	4.75	3.50	13.50		1	(15.10) H. Lâm Thao
	DCNA		34929	Nguyễn Thị	Nhung		09.04.93	3.00	4.50	3.75	11.50		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	YTC	B	1881	Nguyễn Tiến	Thành	28.06.92		6.50	3.00	1.75	11.50		1	(15.03) H. Đoan Hùng
	MDAA		10742	Tạ Đức	Thịnh	23.07.93		5.00	2.75	4.50	12.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	MHNB		13236	Nguyễn Minh	Thuận	22.09.93		3.50	4.75	2.75	11.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	DTY	B	8648	Trần Thị Thanh	Thư		01.12.93	5.25	5.00	2.50	13.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	HYD	B	3221	Nguyễn Thị Huyền	Trang		16.08.93	7.75	3.25	3.00	14.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	NNH	B	27346	Trần Thanh	Tùng	22.11.93		5.00	3.00	3.75	12.00		1	(15.13) H. Tân Sơn

Danh sách gồm 15 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (306) ĐH Chăn nuôi

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	THV A	393		Trần Huy	Dũng	12.07.86		4.00	4.50	3.25	12.00		1	(15.01) TP. Việt Trì
	THV B	3401		Nguyễn Trọng	Đại	09.06.92		4.75	3.50	4.75	13.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
SH	LNH B	5643		Đỗ Thành	Được	08.11.93		3.25	2.75	5.50	11.50		1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV A	591		Trần Thu	Hà		21.12.93	4.25	3.75	3.50	11.50		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	DTY B	5554		Hoàng Thị Lan	Hậu		06.11.93	6.25	3.75	2.75	13.00	01	1	(13.07) H. Trấn Yên
	NNH B	9682		Nguyễn Văn	Huấn	02.09.92		5.25	4.25	2.50	12.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	YTC B	846		Phan Thị Ngọc	Huế		15.09.93	6.75	3.25	3.00	13.00		1	(15.03) H. Đoan Hùng
SH	VUI B	3357		Ma Thị	Huyền		22.06.93	4.50	3.75	3.75	12.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	THV B	3708		Bùi Tùng	Lâm		13.12.93	3.75	7.25	2.50	13.50		1	(15.11) H. Tam Nông
	HCP A	990		Đặng Thị Khánh	Linh		06.08.93	3.75	3.75	4.50	12.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	DKY B	6283		Phạm Quang	Nam	03.07.93		5.50	4.75	3.25	13.50		1	(15.10) H. Lâm Thao
	THV B	3857		Lưu Thị	Nhâm		21.03.93	4.50	3.25	2.50	10.50	01	1	(08.03) Huyện Bát Xát
	THV B	3921		Phan Thu	Phuong		06.10.93	5.50	3.00	3.75	12.50		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	NNH B	19495		Phạm Văn	Quý	20.04.93		6.50	4.00	2.50	13.00		2NT	(1B.29) Huyện Mê Linh
	MHNA	8933		Nguyễn Anh	Thọ	20.08.92		3.00	4.25	3.50	11.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	DYH B	4741		Bùi Việt Phương	Thúy		10.09.93	7.50	4.00	3.50	15.00		1	(15.03) H. Đoan Hùng
	THV A	2910		Trần Thị Huyền	Trang		24.12.93	2.00	4.50	3.50	10.00		1	(15.10) H. Lâm Thao
	DTY B	21834		Nguyễn Trung	Vĩnh	01.03.92		3.75	1.00	4.00	9.00	01	1	(08.06) Huyện Văn Bàn
	DCNA	56234		Đinh Thị	Xuyến		06.02.93	4.00	3.50	4.25	12.00	01	1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV A	3227		Đào Thị	Yến		28.11.93	3.25	4.25	2.50	10.00	06	1	(08.04) Huyện Bảo

Danh sách gồm 20 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (401) ĐH Quản trị Kinh doanh

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	DCN A	3328		Trương Kiều	Anh		29.03.93	5.75	4.50	3.25	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	DTE A	1944		Hà Thị	Chín		01.09.93	4.00	3.25	4.50	12.00		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV A	266		Nguyễn Chí	Công	05.02.93		3.50	4.00	4.00	11.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	DCN A	7737		Nguyễn Mạnh	Cường	15.10.93		4.00	6.00	3.00	13.00		2	(15.10) H. Lâm Thao
	SP2 D1	45		Nguyễn Thị Thùy	Dung		20.01.93	6.00	2.75	6.00	15.00		2	(16.05) H. Yên Lạc
	GHA A	2041		Hà Anh	Dũng	15.03.89		5.25	3.25	3.50	12.00		1	(15.04) H. Thanh Ba
	GHA A	2640		Nguyễn Tuấn	Đạt	05.03.93		4.50	4.75	4.50	14.00		1	(15.04) H. Thanh Ba
	DQHA	2694		Đình Xuân	Giang	01.09.92		1.25	8.50	2.50	12.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	DTE A	5150		Vũ Thị	Giang		20.10.93	3.50	4.25	4.50	12.50		1	(08.03) Huyện Bát Xát
	TMA A	7252		Hán Vinh	Hảo	29.05.93		5.00	5.50	4.50	15.00		1	(15.11) H. Tam Nông
	SP2 A	673		Hà Thị Bích	Hạnh		24.09.93	5.25	3.25	4.50	13.00		1	(15.11) H. Tam Nông
	LDA D1	14005		Phạm Văn	Hiển	22.07.93		5.50	1.25	2.50	9.50	01	1	(08.06) Huyện Văn Bàn
	THV A	930		Lê Thị Lan	Hoa		26.12.93	3.25	5.00	3.00	11.50		1	(27.06) Huyện Yên Mô
	HTC A	3218		Nguyễn Quỳnh	Hoa		29.09.93	4.00	5.25	3.25	12.50		1	(09.01) TP. Tuyên Quang
	HTC A	3368		Nguyễn	Hoàng	04.08.92		3.00	4.50	6.00	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA A	11512		Đỗ Thị Thu	Huyền		23.05.93	4.75	3.50	3.50	12.00		1	(15.11) H. Tam Nông
	DCN A	21652		Nguyễn Thị	Huyền		08.07.93	4.25	5.50	4.50	14.50		1	(16.07) H. Sông Lô
	THV D1	7066		Ngô Thị Lan	Hương		27.01.92	5.50	3.50	3.75	13.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA A	12363		Nguyễn Thị Lan	Hương		12.07.93	4.00	4.50	4.75	13.50	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	MHND1	14389		Phạm Thị Thu	Hường		25.12.93	4.50	5.00	4.50	14.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	HCH A	410		Phan Bá	Khang	15.09.93		4.50	6.25	3.00	14.00		2	(26.08) Huyện Thái Thụy
	LPH A	2017		Lưu Hồng	Kiên	16.12.93		4.25	5.50	3.50	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA D1	141943		Bùi Thị Thanh	Lam		16.03.93	5.50	1.75	5.50	13.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	DCN A	25973		Nguyễn Thị Hồng	Lan		05.04.93	6.00	3.75	3.50	13.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	TMA A	14239		Bùi Thị Hương	Liên		01.07.93	3.00	6.25	3.75	13.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	BVH A	2411		Lê Phương	Linh		13.01.93	4.00	5.00	4.50	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA A	15269		Nguyễn Thị Phương	Linh		20.09.93	3.75	6.25	4.00	14.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV A	1659		Lê Thị Li	Ly		17.01.92	4.50	3.00	4.00	11.50		1	(15.10) H. Lâm Thao
	THV A	1673		Nguyễn Thị	Lý		26.05.93	4.50	4.50	3.50	12.50		2NT	(15.09) H. Phù Ninh
	THV D1	7282		Phạm Thị	Minh		10.06.92	3.50	6.00	3.50	13.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV D1	7306		Phùng Thị Hằng	Nga		17.08.93	5.00	2.75	5.00	13.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	DCN D1	8936		Vi Thị Nguyệt	Nga		25.01.93	4.00	4.00	4.50	12.50		2	(15.04) H. Thanh Ba
	BKA A	7719		Trần Đại	Nghĩa	01.11.93		4.25	5.50	2.75	12.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	LDA A	5451		Nguyễn Thị Hồng	Ngọc		31.10.92	3.25	4.50	4.75	12.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	DCN D1	9570		Trần Minh	Nguyên	12.02.93		5.00	3.25	4.25	12.50		1	(08.07) Huyện Bảo Yên
	DCN D1	110440		Nguyễn Mạnh	Phương	29.04.93		3.50	3.00	3.25	10.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV A	2271		Mạc Thị Như	Quỳnh		02.07.93	3.50	3.50	2.75	10.00	01	1	(15.09) H. Phù Ninh
	TMA A	22861		Nguyễn Nhật	Quỳnh		23.10.93	4.00	5.50	4.50	14.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	XDA A	10515		Vũ Xuân	Quỳnh	23.02.93		2.50	5.50	5.50	13.50		1	(62.09) Huyện Mường
	THV A	2336		Đỗ Quang	Sơn	09.03.93		4.50	3.75	3.25	11.50		1	(16.03) H. Lập Thạch
	THV D1	7582		Đặng Thị Phương	Thảo		15.11.93	4.50	5.00	3.50	13.00		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	DCN D1	11936		Lê Thị	Thảo		06.12.93	3.50	4.25	4.00	12.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	DCN A	43603		Đào Minh	Thắng	23.09.93		3.25	4.75	4.50	12.50		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	NHF D1	6697		Trần Thị	Thỏa		09.02.93	7.50	1.00	4.50	13.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	LDA A	7294		Nguyễn Thị	Thu		23.08.93	2.00	4.75	6.75	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV A	2629		Trần Dương	Thu		09.02.93	4.50	4.00	3.50	12.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	DCN D1	13150		Đặng Thị Phương	Thúy		01.04.93	5.50	3.00	5.00	13.50		2	(15.04) H. Thanh Ba
	DCN D1	13539		Nguyễn Thu	Tĩnh		14.11.93	4.50	2.50	4.75	12.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	GHA A	13018		Phạm Long	Trọng	15.01.93		1.50	4.50	5.50	11.50		1	(15.11) H. Tam Nông
	ANH D1	4481		Lê Tiến	Trung	26.06.93		5.50	3.75	4.00	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (401) ĐH Quản trị Kinh doanh

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	THV A	2973		Nguyễn Xuân	Trường	03.09.88		5.25	3.50	3.50	12.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	DCN A	55004		Vũ Quang	Việt	20.11.92		4.25	3.75	4.50	12.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA A	32188		Phan Hải	Yến		06.10.92	4.75	5.75	3.25	14.00		2	(16.01) TP. Vĩnh Yên

Danh sách gồm 53 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (402) ĐH Kế toán

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	BVH A	233		Dương Thị Hải	Anh		10.05.93	6.75	5.50	2.00	14.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA A	222		Lê Đoàn Phương	Anh		01.06.93	5.50	5.25	5.00	16.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	NHH A	1132		Hoàng Liên	Chung		30.11.93	4.75	4.75	5.50	15.00	06	2	(15.01) TP. Việt Trì
	DCN A	6740		Nguyễn Thành	Chung	10.05.93		5.25	5.00	4.50	15.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	LDA D1	13264		Nguyễn Thị Thuý	Dung		12.07.93	6.50	4.50	3.50	14.50		1	(15.11) H.Tam Nông
	GHA A	3040		Đặng Ngọc	Đức	07.08.93		3.75	4.75	4.75	13.50		1	(15.10) H. Lâm Thao
	DCN A	13361		Bùi Thị Hương	Giang		20.11.92	6.00	4.00	4.00	14.00		1	(08.07) Huyện Bảo Yên
	TMA A	7265		Hoàng Thị	Hạnh		01.02.93	5.25	5.75	5.25	16.50		1	(16.07) H. Sông Lô
	TMA A	7300		Lê Thị Hồng	Hạnh		04.10.93	6.00	5.50	5.50	17.00		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	DCN D1	4869		Dương Thị	Hoà		26.09.93	4.50	6.25	3.00	14.00		2NT	(16.04) H. Vĩnh Tường
	LPH A	2016		Đỗ Thị	Hương		02.10.93	5.50	6.25	4.25	16.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	NHF D1	3195		Ngô Thị Thu	Hương		01.09.93	8.50	5.50	3.50	17.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	NTH D1	5727		Phan Thị Thuý	Hường		30.06.93	6.00	6.25	3.50	16.00		1	(15.10) H. Lâm Thao
	NHF D1	3547		Lê Thị	Khuê		14.03.93	6.00	4.50	4.50	15.00		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	NHH A	4943		Đinh Thị Dương	Liểu		11.01.93	5.75	6.50	5.50	18.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	NHF D1	3936		Nguyễn Thị	Linh		27.11.92	7.50	4.25	5.00	17.00		1	(16.03) H. Lập Thạch
	TMA A	14507		Trần Mỹ	Linh		01.09.93	3.25	5.50	5.50	14.50		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	CSH A	1723		Đào Đức	Long	29.03.93		4.00	6.50	6.50	17.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA A	16169		Nguyễn Thị	Luyến		20.10.93	5.50	6.50	5.50	17.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	KHA D1	2559		Nguyễn Thị	Lý		26.12.93	6.00	5.75	5.25	17.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	DCN A	29905		Phùng Thị	Mai		22.12.93	3.25	5.00	5.00	13.50		1	(05.10) H. Bắc Quang
	KHA A	9940		Nguyễn Thị Kim	Ngân		14.10.93	4.75	6.50	6.75	18.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA A	19517		Nguyễn Thị	Nguyệt		01.09.93	4.50	4.00	5.50	14.00		2NT	(16.04) H. Vĩnh Tường
	DLX A	34914		Nguyễn Thị Hồng	Nhung		24.11.93	5.75	5.75	3.50	15.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	NHF D1	5397		Tạ Thị Hồng	Nhung		08.02.93	5.50	7.00	4.25	17.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	NHF D1	5655		Nguyễn Thị Hồng	Phương		07.03.92	6.50	4.00	5.25	16.00		2	(15.04) H.Thanh Ba
	DCN A	38394		Lưu Thị	Quyên		23.10.93	5.25	5.50	5.25	16.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA A	22721		Nguyễn Thị Như	Quỳnh		09.08.93	5.50	5.50	4.00	15.00		1	(15.03) H. Đoan Hùng
	LPH A	2023		Nguyễn Hồng	Sơn	18.11.93		6.50	4.50	4.25	15.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA A	23413		Đỗ Thị Thanh	Tâm		07.09.93	7.00	5.25	4.00	16.50		1	(15.03) H. Đoan Hùng
	CSH D1	15778		Nguyễn Xuân	Thành	25.03.92		5.50	6.25	3.50	15.50		1	(13.07) H. Trấn Yên
	KHA D1	4061		Hạ Thị Thu	Thủy		05.08.92	7.00	4.25	4.50	16.00		1	(15.11) H.Tam Nông
	DCN D1	12815		Hà Thị	Thúy		10.07.93	5.50	4.25	5.00	15.00		2NT	(16.02) H. Tam Dương
	NTH A	3142		Nguyễn Thị Mai	Thương		19.06.93	2.25	7.00	6.00	15.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	HTC A	9008		Nguyễn Thị Thủy	Tiên		15.06.93	4.50	8.00	5.00	17.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	DCN A	47681		Nguyễn Đức	Tiến	05.10.93		5.25	5.50	3.75	14.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	DCN D1	13844		Đào Thị	Trang		16.08.93	5.50	5.25	3.50	14.50		2NT	(16.04) H. Vĩnh Tường
	TGC D1	2309		Hoàng Thị Huyền	Trang		18.05.92	7.00	2.75	4.25	14.00		2NT	(15.01) TP. Việt Trì
	DTT A	13819		Lê Thị	Trang		15.08.93	4.00	4.00	5.50	13.50		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	DCN A	49161		Nguyễn Thị Vân	Trang		12.05.93	4.25	5.25	4.25	14.00		1	(15.11) H.Tam Nông
	DDL A	10108		Triệu Anh	Tuấn	26.09.93		5.25	5.00	4.25	14.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	HTC A	10093		Lưu Thanh	Tùng	09.11.90		5.25	5.25	4.50	15.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	CSH D1	15885		Ngô Thanh	Tùng	25.02.93		6.00	6.25	4.75	17.00		2	(15.09) H. Phù Ninh
	TMA A	31670		Lê Thanh	Vui		16.02.93	7.00	6.25	4.00	17.50		2	(15.01) TP. Việt Trì

Danh sách gồm 44 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (403) ĐH Tài chính - Ngân hàng

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	VUI	D1	4016	Nguyễn Thị Vân	Anh		09.11.93	6.00	2.75	4.75	13.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	QHE	D1	490	Nguyễn Thị Ngọc	ánh		18.10.93	6.75	6.00	2.75	15.50		1	(15.09) H. Phù Ninh
	LPH	A	2011	Trần Ngọc	Bích		22.04.93	4.00	5.50	5.00	14.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	CSH	D1	15439	Hà Quang	Cảnh	12.06.93		6.00	4.50	4.25	15.00		1	(15.02) TX. Phú Thọ
	SPH	D1	8638	Phạm Thị Thu	Chang		03.04.93	7.00	3.75	5.00	16.00		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	DCN	A	5987	Nguyễn Tiến	Châu	27.03.93		3.50	4.75	4.50	13.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	LDA	D1	113103	Phạm Thị Ninh	Chi		19.08.92	6.00	3.00	4.25	13.50		1	(09.01) TP. Tuyên Quang
	KSA	A	18692	Nguyễn Văn	Công	28.12.92		4.75	5.25	5.50	15.50		2NT	(16.04) H. Vĩnh Tường
	QHF	D1	1060	Hoàng Văn	Đỉnh	10.08.93		5.00	2.75	3.75	11.50	01	1	(08.07) Huyện Bảo Yên
	ANH	A	930	Hoàng Minh	Giang	04.11.93		3.00	4.75	3.50	11.50	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	MHND	D1	14746	Đỗ Thị Thúy	Hằng		22.08.93	6.00	4.25	3.75	14.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA	A	8059	Hà Thị	Hằng		20.02.93	3.00	5.75	5.50	14.50		1	(09.06) Huyện Sơn
	DCN	A	16891	Đỗ Trung	Hiếu	25.12.93		4.25	4.50	4.50	13.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	SP2	A	342	Nguyễn Thị	Hoa		08.01.93	5.75	4.50	4.00	14.50		2	(15.03) H. Đoan Hùng
	HQT	D1	1204	Phạm Thị Thanh	Hoa		24.01.93	6.00	5.75	3.00	15.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	KHA	A	5360	Tạ Thị	Hoà		12.07.93	2.75	6.50	4.00	13.50		1	(15.10) H. Lâm Thao
	DKH	A	918	Bùi Hữu	Hoàng	04.04.93		5.25	4.75	3.50	13.50		1	(15.08) H. Thanh Sơn
	CSH	A	1356	Nguyễn Mạnh	Hùng	02.09.93		4.25	4.00	7.50	16.00		2NT	(16.07) H. Sông Lô
	DTY	A	10167	Lê Thị Thanh	Hương		09.10.93	5.25	4.50	3.50	13.50		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	TMA	D1	141877	Nguyễn Thị Thu	Hường		22.03.93	7.00	2.75	6.00	16.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	NHH	A	4733	Chu Thị Thanh	Lam		16.01.93	6.00	6.00	5.50	17.50		2	(15.05) H. Hạ Hoà
	HTC	A	4683	Phạm Thị Ngọc	Lan		11.01.93	6.00	4.75	4.50	15.50		1	(15.11) H.Tam Nông
	NHF	D1	3666	Luyện Thị	Lanh		02.05.93	5.00	3.00	6.25	14.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	DCN	A	26745	Lương Thị Kim	Liên		22.10.93	5.00	5.75	4.00	15.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	NHH	D1	939	Nguyễn Thị Hồng	Liên		03.07.93	5.50	4.50	6.50	16.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	QLH	D1	2754	Nguyễn Thị Kim	Liên		11.09.93	7.00	3.50	4.00	14.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA	A	14886	Hoàng Thị Thùy	Linh		11.10.93	5.00	5.50	3.75	14.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	KHA	D1	2412	Lê Thị Khánh	Linh		19.11.93	8.00	3.00	5.25	16.50		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	HTC	A	5065	Nguyễn Thị Hồng	Linh		16.10.93	5.00	6.00	3.75	15.00		2	(15.06) H. Cẩm Khê
	HEH	A	632	Nguyễn Thanh	Long	31.07.93		4.75	6.25	4.25	15.50		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	KTA	A	5642	Dương Đình	Nam	19.01.93		6.50	4.25	4.00	15.00		1	(15.04) H.Thanh Ba
	QHE	D1	3679	Nguyễn Thị Kim	Ngân		05.07.93	6.50	3.00	4.50	14.00		1	(15.10) H. Lâm Thao
	DCN	D1	9909	Nguyễn Thị	Nhung		29.05.93	4.25	3.50	6.00	14.00		1	(16.03) H. Lập Thạch
	DDL	A	6961	Phạm Thị Thu	Phương		07.12.93	5.75	5.25	2.50	13.50		1	(16.03) H. Lập Thạch
	XDA	A	2700	Cao Hồ	Quang	19.07.93		6.25	4.50	3.75	14.50		1	(15.09) H. Phù Ninh
	SP2	A	1405	Hà Thị Minh	Quế		27.06.93	3.75	4.75	4.25	13.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	DCN	A	39227	Đỗ Thị Thúy	Quỳnh		28.12.93	4.50	4.50	4.75	14.00		1	(1B.28) Huyện Phú
	NHH	A	7761	Nguyễn Như	Quỳnh		20.02.93	3.25	5.50	4.50	13.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	TMA	A	22602	Phạm Hồ	Quý	23.07.93		6.50	5.25	6.00	18.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	QHT	A	7164	Trần Thanh	Son	10.04.90		5.25	4.75	3.75	14.00		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	TMA	A	24563	Lê Phương	Thảo		15.09.93	6.00	5.00	4.25	15.50		2	(15.04) H.Thanh Ba
	TGC	D1	2125	Hà Xuân	Thu	01.12.93		6.00	6.75	3.00	16.00		1	(15.11) H.Tam Nông
	NHH	A	8888	Lương Thị Minh	Thúy		22.08.93	6.50	5.75	5.50	18.00		1	(15.11) H.Tam Nông
	DCN	D1	112799	Nguyễn Thị Kim	Thúy		11.12.93	4.00	6.25	2.75	13.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	DCN	D1	113286	Đỗ Thị Thu	Thủy		01.05.93	4.50	5.50	5.00	15.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	TMA	A	26643	Trương Thị thu	Thủy		10.02.93	4.50	5.00	4.00	13.50		1	(15.11) H.Tam Nông
	LDA	D1	117413	Cao Thị Minh	Trang		11.11.93	4.50	7.25	3.25	15.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	NHF	D1	7246	Lê Thị Kiều	Trang		05.05.93	6.50	4.75	3.75	15.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV	D1	7719	Trần Thị Huyền	Trang		24.08.93	6.00	3.00	4.25	13.50		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	KQH	A	1296	Nguyễn Lâm	Trường	17.01.93		4.50	5.25	2.50	12.50	01	1	(15.07) H. Yên Lập

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (403) ĐH Tài chính - Ngân hàng

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	KTA	A	7366	Lê Minh	Tuyết	13.10.93		5.75	5.25	4.50	15.50		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	NTH	D1	7690	Nguyễn Hồng	Vân		26.06.93	6.00	5.25	4.00	15.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	BVH	A	5001	Lê Anh	Xuân	28.10.92		2.75	5.50	7.50	16.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ

Danh sách gồm 53 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (605) ĐH Việt Nam học

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	CSH C	4218		Nguyễn Như	Biên	05.08.93		4.50	4.00	6.00	14.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV C	4578		Trần Ngọc	Đặng	26.05.93		3.00	4.50	5.75	13.50		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	VHH C	1381		Hoàng Thị	Hồng		01.01.93	6.00	1.75	6.00	14.00		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	THV C	5047		Cao Thị Thu	Huyền		19.12.93	4.00	3.00	8.00	15.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	TGC C	1626		Lê Thanh	Huyền		23.12.93	7.00	1.50	5.00	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	CSH C	8405		Bùi Tiến	Hung	19.03.93		5.00	5.50	7.50	18.00		1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV C	5096		Lê Văn	Hung	07.05.92		4.50	2.50	5.50	12.50		1	(13.04) H. Yên Bình
	THV C	5182		Trần Thị	Hướng		06.07.93	3.50	5.25	4.00	13.00		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	CSH C	8649		Nguyễn Duy	Khánh	06.03.93		6.50	3.00	6.75	16.50		1	(15.10) H. Lâm Thao
	THV C	5286		Nguyễn Sơn	Lâm	20.04.93		4.50	4.00	5.50	14.00		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	LPH C	6154		Nguyễn Bích	Lệ		08.07.93	7.00	4.00	7.25	18.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	CSH C	9689		Chu Thị Thanh	Mai		20.01.93	7.00	4.00	3.25	14.50		2	(05.01) TP Hà Giang
	QHX C	3098		Giang Thị Quỳnh	Mơ		10.02.93	6.00	3.50	5.00	14.50		2	(15.04) H. Thanh Ba
	SPH C	13160		Đình Công	Nam	13.06.93		4.50	2.25	6.25	13.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	CSH C	10373		Nguyễn Đức	Ngọc	15.05.91		6.00	7.00	6.50	19.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV C	5711		Hoàng Thị Hồng	Nhung		07.10.93	4.50	1.50	5.00	11.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	THV C	5871		Nguyễn Ngọc	Quang	23.06.92		3.50	3.00	7.25	14.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	QHX C	4090		Nguyễn Thị	Sáu		02.10.92	5.00	2.50	6.00	13.50		1	(15.10) H. Lâm Thao
	QHX C	4177		Nguyễn Thị Thanh	Tâm		17.12.93	6.50	2.00	7.50	16.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	LDA C	11780		Cao Đình	Thành	20.02.93		5.50	3.00	6.00	14.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV C	6086		Lê Mạnh	Thắng	13.10.93		3.00	4.00	7.25	14.50		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	LDA C	11897		Nguyễn Bảo	Thị		12.02.93	3.50	5.50	4.50	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	LDA C	11923		Nguyễn Thị	Thơ		24.11.93	7.00	0.25	6.50	14.00		1	(15.03) H. Đoan Hùng
	THV C	6145		Nguyễn Thị Hoài	Thu		15.12.93	5.00	1.75	5.50	12.50		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV C	6154		Lã Thế	Thuần	10.04.93		4.00	3.50	6.25	14.00		1	(16.09) H. Tam Đảo
	SP2 C	1055		Hoàng Thị	Thuận		16.06.92	4.50	4.25	4.50	13.50		2NT	(1B.21) Huyện Chương
	QHX C	4868		Nguyễn Phương	Thúy		16.10.93	6.25	1.00	7.50	15.00		1	(09.03) Huyện Chiêm
	QHX C	503		Phạm Ngọc	Thúy		07.09.93	6.50	2.50	5.50	14.50		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	THV C	6315		Nguyễn Thị Thu	Trang		09.11.93	3.75	4.50	6.00	14.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	SPH C	12773		Trần Kiều	Trình		12.09.93	4.50	4.50	7.00	16.00		1	(09.05) Huyện Yên Sơn
	SPH C	12315		Nguyễn Thị ánh	Tuyết		28.02.93	6.50	2.25	8.00	17.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	QHX C	5471		Nguyễn Thanh	Tùng	10.03.93		5.50	3.25	6.00	15.00	06	2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV C	6447		Trần Mạnh	Tùng	10.11.92		4.00	5.50	3.00	12.50		1	(16.03) H. Lập Thạch
	HVQ C	1155		Vũ Thị	Uyên		08.08.93	5.50	1.25	7.00	14.00		2NT	(1B.26) Huyện ứng Hoà

Danh sách gồm 34 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (702) ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	HCH	D1	4171	Hoàng Thị Lan	Anh		06.12.93	7.00	1.75	2.75	14.50		1	(15.03) H. Đoàn Hùng
	TMA	D140460		Đỗ Ngọc	Châm		21.05.93	5.00	4.75	3.50	17.00		1	(15.04) H.Thanh Ba
	TGC	D1	375	Trịnh Quang	Cường	03.08.92		6.00	2.75	3.50	16.00		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	D1	6696	Trần Thị Thùy	Dung		24.08.93	5.50	3.75	3.00	15.50		2	(15.10) H. Lâm Thao
	THV	D1	6876	Lưu Thị Thuý	Hằng		28.05.93	4.50	5.50	4.00	18.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	THV	D1	7089	Nguyễn Thu	Hương		19.09.93	6.00	5.50	3.00	17.50		1	(15.11) H.Tam Nông
	NHF	D1	3559	Nguyễn Văn	Kiên	19.10.93		4.50	3.75	5.75	20.00		1	(15.01) TP. Việt Trì
	QHX	D1	2611	Đặng Thị Kim	Kính		30.01.92	6.50	2.50	4.75	18.50		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	NHF	D1	3813	Trần Thị Khánh	Linh		21.10.93	6.00	3.75	5.25	20.50		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	MHND	123075		Vũ Thị Tố	Loan		10.10.93	5.00	2.75	3.50	15.00		1	(15.09) H. Phù Ninh
	THV	D1	7235	Nguyễn Thị	Lý		02.01.93	6.00	4.25	3.75	18.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	THV	D1	7378	Hán Thị	Nhân		07.12.92	3.50	3.50	4.75	16.50		1	(15.09) H. Phù Ninh
	THV	D1	7479	Nguyễn Thị	Quyên		14.03.93	5.00	3.00	4.50	17.00		1	(15.08) H. Thanh Sơn
	MHND	123233		Phạm Thị Thuý	Quỳnh		16.04.93	5.50	4.50	3.25	16.50		2NT	(16.05) H. Yên Lạc
	THV	D1	7486	Nguyễn Thị	Quý		03.05.93	5.50	2.50	4.75	17.50		1	(15.04) H.Thanh Ba
	HQT	D1	1840	Nguyễn Thị	Tâm		20.02.93	5.00	5.50	5.00	20.50		1	(15.04) H.Thanh Ba
	QHF	D1	4854	Lê Thị Bích	Thảo		30.03.93	5.50	0.75	5.75	18.00		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	D1	7639	Chu Thị	Thu		27.02.93	4.00	4.00	3.75	15.50		2NT	(16.04) H. Vĩnh Tường
	THV	D1	7647	Trần Thị Thanh	Thuý		30.08.92	3.50	5.00	4.50	17.50		2	(15.10) H. Lâm Thao
	THV	D1	7666	Đình Thị	Thúy		19.12.93	5.00	2.25	4.25	16.00		1	(15.03) H. Đoàn Hùng
	THV	D1	7698	Hà Thị	Thương		06.07.93	4.50	2.50	5.25	17.50		1	(16.07) H. Sông Lô
	NHF	D1	7259	Nguyễn Thị Huyền	Trang		14.09.93	5.50	4.00	4.25	18.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	QHF	D1	6021	Lê Thị ánh	Tuyết		09.06.93	6.50	3.25	3.75	17.50		1	(15.04) H.Thanh Ba
	NHF	D1	8363	Lương Thị	Yến		02.06.93	5.50	3.25	5.00	19.00		1	(15.11) H.Tam Nông
	MHND	123448		Nguyễn Thị Kim	Yến		01.07.93	6.50	2.00	3.25	15.00		1	(15.03) H. Đoàn Hùng

Danh sách gồm 25 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (C65) CĐSP Toán (Toán-Lý)

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	THV A	35	Bùi Phương	Anh		22.11.93	4.50	2.50	3.25	10.50		2	(15.01) TP. Việt Trì	
	DCN A	3331	Bùi Tú	Anh		24.12.93	3.00	3.50	2.75	9.50	06	1	(15.03) H. Đoan Hùng	
	THV A	183	Nguyễn Văn	Bình		18.01.92	5.00	3.00	3.00	11.00		1	(15.04) H.Thanh Ba	
	THV A	283	Chu Tiến	Cường		25.12.93	3.50	2.75	3.00	9.50		1	(15.04) H.Thanh Ba	
	PCH A	160	Vũ Thành	Đông		29.05.93	2.50	3.00	4.00	9.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà	
	DCN A	12781	Lê Trung	Đức		26.04.93	3.75	3.25	3.25	10.50		2	(15.01) TP. Việt Trì	
	THV A	533	Phùng Thị Thanh	Giang		01.12.92	1.50	3.50	3.50	8.50	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn	
	THV A	603	Chương Thị	Hà		24.06.93	2.75	4.00	3.75	10.50		1	(15.06) H. Cẩm Khê	
	LPH A	4437	Dương Đức	Hà		25.04.87	3.00	4.25	3.00	10.50		1	(15.08) H. Thanh Sơn	
	MHNA	1467	Đào Thị Thu	Hà		25.05.93	2.75	3.25	3.50	9.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà	
	GHA A	3537	Nguyễn Thị Thanh	Hà		04.01.93	3.00	2.75	4.50	10.50		2	(15.02) TX. Phú Thọ	
	NHH A	2725	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh		10.02.93	3.25	3.50	4.00	11.00		1	(15.11) H.Tam Nông	
	THV A	712	Dương Thị	Hằng		27.07.93	5.25	3.50	2.50	11.50		1	(15.04) H.Thanh Ba	
	THV A	711	Đình Thu	Hằng		29.04.93	2.50	3.25	4.25	10.00		1	(15.03) H. Đoan Hùng	
	THV A	720	Nguyễn Thị	Hằng		01.02.93	3.50	3.50	3.25	10.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà	
	THV A	872	Lê Thị Thu	Hiên		23.02.93	3.50	4.50	2.75	11.00		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê	
	THV A	873	Nguyễn Thị	Hiên		31.12.93	1.00	3.25	4.00	8.50	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn	
	HCH A	291	Phạm Thị	Hiên		05.01.92	2.00	4.50	3.50	10.00		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê	
	THV A	851	Xa Thị Thu	Hiên		29.09.93	3.00	3.00	4.25	10.50	01	2NT	(15.07) H. Yên Lập	
	TMA A	9462	Nguyễn Thị Như	Hoa		25.11.93	3.75	4.50	2.75	11.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ	
	HCH A	296	Vũ Thị Thanh	Hoa		23.03.93	2.00	3.75	4.00	10.00		1	(15.11) H.Tam Nông	
	THV A	1018	Đình Thị Thúy	Hồng		13.05.93	3.75	3.50	3.00	10.50		2	(15.01) TP. Việt Trì	
	THV A	1066	Phùng Thị Minh	Huệ		08.09.93	1.00	2.75	3.75	7.50	01	1	(15.13) H.Tân Sơn	
	THV A	1074	Xa Thị	Huệ		12.03.93	2.75	2.50	2.50	8.00	01	1	(15.13) H.Tân Sơn	
	THV A	1087	Hoàng Đức	Huy		22.06.93	2.50	2.75	2.25	7.50	01	1	(15.07) H. Yên Lập	
	DCN A	21022	Lê Văn	Huy		14.07.93	1.25	3.50	5.50	10.50		1	(15.03) H. Đoan Hùng	
	THV A	1128	Đình Thị	Huyền		14.09.92	1.00	3.50	3.50	8.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn	
	THV A	1243	Nguyễn Thị Thu	Hương		01.10.93	3.50	2.25	3.50	9.50		1	(15.06) H. Cẩm Khê	
	THV A	1222	Trần Thị Thu	Hương		10.10.93	1.00	3.25	6.00	10.50		2	(15.01) TP. Việt Trì	
	KQH	642	Trần Trung	Kiên		01.07.93	2.25	3.75	3.50	9.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà	
	THV A	1411	Phùng Thị	Lan		20.04.93	3.50	2.25	2.25	8.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn	
	SPH A	862	Dương Thị Hai	Liên		17.06.92	2.00	4.25	3.50	10.00		1	(15.08) H. Thanh Sơn	
	THV A	1520	Nguyễn Thị Phương	Linh		10.10.93	3.00	4.00	3.50	10.50		1	(15.09) H. Phù Ninh	
	THV A	1537	Trần Thị Tài	Linh		13.09.93	1.50	2.50	3.50	7.50	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn	
	THV A	1646	Phạm Thu	Lường		15.02.93	4.00	3.25	2.50	10.00		1	(15.12) H. Thanh Thủy	
	THV A	1662	Nguyễn Phương	Ly		26.04.93	2.50	3.00	2.75	8.50	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn	
	THV A	1738	Nguyễn Văn	Mạnh		25.08.92	4.00	3.25	3.25	10.50		1	(15.13) H.Tân Sơn	
	THV A	1809	Mai Thị	Nga		30.12.91	3.50	4.50	3.00	11.00		1	(15.04) H.Thanh Ba	
	DCN A	33455	Huỳnh Hải	Ngọc		17.08.93	3.00	2.25	3.75	9.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn	
	THV A	2011	Hà Thị Hồng	Nhung		18.02.93	1.50	3.50	3.00	8.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn	
	DDL A	7175	Vũ Minh	Quang		01.07.93	4.00	5.50	2.25	12.00		1	(15.06) H. Cẩm Khê	
	THV A	2283	Nguyễn Thu	Quỳnh		24.07.93	4.00	3.25	3.50	11.00		1	(15.05) H. Hạ Hoà	
	PKH A	496	Nguyễn Văn	Sơn		14.06.92	2.50	2.75	2.75	8.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập	
	THV A	2519	Chu Thị Phương	Thảo		12.02.93	3.50	3.75	3.75	11.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ	
	THV A	2476	Đình Thị	Thảo		21.08.93	1.00	4.25	3.00	8.50	01	1	(15.07) H. Yên Lập	
	THV A	2556	Hà Thị	Thêu		11.03.93	5.00	3.75	2.75	11.50	06	2	(15.04) H.Thanh Ba	
	SPK A	9613	Trần Văn	Thiệu		08.12.92	2.00	3.25	5.00	10.50		2	(15.02) TX. Phú Thọ	
	THV A	2583	Trần Thị	Thoa		06.04.93	3.50	2.50	4.75	11.00		1	(15.05) H. Hạ Hoà	
	LAH A	2496	Nguyễn Hữu	Thọ		24.05.93	4.00	5.50	2.00	11.50		1	(15.08) H. Thanh Sơn	
	THV A	2620	Bùi Kim	Thu		23.07.93	3.00	3.75	3.25	10.00		1	(15.01) TP. Việt Trì	

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (C65) CĐSP Toán (Toán-Lý)

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	THV	A	2747	Nguyễn Thị	Thủy		21.07.93	3.50	4.25	2.75	10.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV	A	2706	Nguyễn Thị Thu	Thúy		18.02.93	2.25	5.00	3.50	11.00		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV	A	2696	Phạm Thu	Thúy		20.11.93	2.50	3.50	3.50	9.50		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV	A	2759	Trần Thị Thanh	Thư		01.12.93	3.00	2.75	3.50	9.50		1	(15.09) H. Phù Ninh
	TMA	A	27285	Nguyễn Thị	Thương		04.02.93	3.00	4.75	2.50	10.50		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV	A	2790	Đặng Hồng	Tiến	12.10.93		3.00	4.00	3.75	11.00		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV	A	2901	Bùi Thị	Trang		02.09.93	2.25	3.50	3.25	9.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV	A	3090	Phạm Ngọc	Tùng	06.10.93		2.50	5.00	3.50	11.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	THV	A	3061	Phùng Hải	Tú	08.05.92		2.50	3.25	2.25	8.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	VUI	A	2758	Lưu Thị Thu	Vân		05.01.93	3.50	3.00	4.00	10.50		2	(15.01) TP. Việt Trì

Danh sách gồm 60 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (C68) CĐSP Địa lí (Địa-GDCD)

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	THV	C	4281	Đình Thế	Anh	13.08.93		2.50	2.00	5.25	10.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV	C	4309	Vũ Kiều	Anh		26.09.93	3.00	3.50	5.00	11.50	06	1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV	C	4367	Lưu Thị Thanh	Bình		17.09.93	4.00	2.00	6.00	12.00		1	(15.11) H.Tam Nông
	THV	C	4399	Nguyễn Thị	Châm		21.05.93	3.50	2.50	5.75	12.00		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	SPH	C	12417	Đình Thị Hải	Chiều		10.04.93	6.00	2.25	5.50	14.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV	C	4456	Nguyễn Chí	Cường	14.03.92		5.00	1.50	5.25	12.00		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	THV	C	4533	Nguyễn Thị	Duyên		13.09.92	2.50	2.00	7.25	12.00		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	BPH	C	176	Nguyễn Việt	Dũng	09.04.92		3.50	5.75	3.75	13.00		1	(15.03) H. Đoàn Hùng
	SPH	C	13705	Nguyễn Ngọc	Đức	11.09.93		5.50	3.00	4.25	13.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	SPH	C	13907	Đình Thị	Hà		23.11.92	4.50	2.00	3.25	10.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV	C	4662	Hoàng Thu	Hà		13.08.93	2.50	2.00	5.25	10.00	01	1	(15.03) H. Đoàn Hùng
	SPH	C	12469	Ngô Thị Thu	Hà		20.10.93	6.50	3.50	7.25	17.50		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV	C	4681	Nguyễn Thị	Hà		26.05.93	3.00	1.50	5.25	10.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	THV	C	4692	Nguyễn Dịch	Hành	23.01.93		3.25	6.50	4.75	14.50		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV	C	4732	Nguyễn Thị	Hạnh		15.06.93	3.50	2.50	8.00	14.00		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV	C	4766	Nguyễn Thị	Hằng		11.11.93	2.50	6.00	7.00	15.50		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	THV	C	4781	Nguyễn Thị Minh	Hằng		06.09.93	6.00	2.50	4.00	12.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	THV	C	4822	Nguyễn Thị	Hiên		10.12.93	3.00	1.25	5.75	10.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV	C	4860	Lê Thúy	Hiên		21.11.93	1.25	2.50	6.75	10.50	01	2NT	(15.07) H. Yên Lập
	SP2	C	260	Nguyễn Thị	Hoạt		25.08.93	6.25	1.50	6.75	14.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV	C	4965	Nguyễn Thị Mai	Hồng		23.06.92	5.50	2.50	6.75	15.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV	C	5055	Lưu Thị Thu	Huyền		04.01.93	4.50	2.50	6.50	13.50		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	C	5154	Hà Thị Việt	Hương		20.01.92	3.50	1.75	6.75	12.00		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	C	5150	Hoàng Thu	Hương		10.08.92	5.00	3.50	4.25	13.00	06	2	(15.01) TP. Việt Trì
	THP	C	17279	Bùi Thị	Hường		11.08.92	4.50	3.50	5.00	13.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV	C	5195	Đặng Thị	Hường		20.10.93	3.50	2.00	7.25	13.00		2	(15.04) H.Thanh Ba
	HCH	C	2225	Vì Thị Thu	Hường		02.09.93	6.25	3.50	5.75	15.50		2	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	C	5270	Hoàng Thị Tuyết	Lan		22.12.93	4.50	2.00	6.00	12.50		2NT	(15.09) H. Phù Ninh
	THV	C	5281	Hoàng Thị Ngọc	Lanh		27.05.93	5.50	3.50	4.25	13.50		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV	C	5337	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		01.10.93	4.50	1.00	6.25	12.00		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	C	5395	Nguyễn Ngọc	Long	08.05.93		4.50	1.00	7.00	12.50		1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV	C	5491	Lương Thị Tuyết	Mai		06.09.93	4.50	2.50	7.25	14.50		1	(15.11) H.Tam Nông
	THV	C	5492	Nguyễn Thị Ngọc	Mai		24.02.93	3.00	4.00	5.25	12.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	THV	C	5508	Hà Thị	Minh		02.12.93	2.75	3.50	4.00	10.50	01	1	(15.13) H.Tân Sơn
	HVQ	C	643	Hà Thị	My		20.05.93	6.50	0.25	3.00	10.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV	C	5576	Hà Thị Thu	Nga		02.05.93	5.50	2.00	2.75	10.50	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV	C	5694	Đình Quang	Nhâm	12.10.92		3.00	1.00	7.00	11.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	QHXC	C	3565	Đình Thị Hồng	Nhung		17.08.93	4.50	1.00	5.00	10.50	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV	C	5749	Hoàng Thị	Nhung		04.06.93	5.00	2.00	3.75	11.00	01	1	(15.13) H.Tân Sơn
	THV	C	5750	Lại Thị Hồng	Nhung		05.09.92	4.75	2.00	5.75	12.50		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	C	5979	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		11.03.93	6.00	1.00	5.00	12.00		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV	C	6049	Nghiêm Thị	Thảo		25.07.92	4.50	4.00	4.25	13.00		1	(15.13) H.Tân Sơn
	HVQ	C	907	Vy Thị	Thảo		06.06.93	5.00	3.75	5.75	14.50		2	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	C	6106	Nguyễn Thị Kim	Thoa		09.01.93	3.50	3.00	6.50	13.00		1	(15.10) H. Lâm Thao
	THV	C	6151	Hà Minh	Thu	28.06.93		2.00	4.25	5.25	11.50	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	SPH	C	12742	Nguyễn Thị Thu	Thủy		15.04.93	6.50	4.00	4.00	14.50		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV	C	6203	Cao Thị	Thúy		10.01.93	5.50	2.25	7.25	15.00		2NT	(15.09) H. Phù Ninh
	THV	C	6199	Nguyễn Thị Hồng	Thúy		10.11.93	4.75	2.50	6.75	14.00		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV	C	6205	Nguyễn Thị Việt	Thúy		04.02.93	4.50	4.00	4.50	13.00		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	SPH	C	12228	Nguyễn Thị	Thương		06.06.93	7.00	0.75	3.50	11.50	01	1	(15.12) H. Thanh Thủy

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (C68) CĐSP Địa lí (Địa-GDCD)

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	THV	C	6360	Nguyễn Văn	Trọng	04.11.93		4.00	2.50	4.75	11.50	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	THV	C	6367	Phạm Ngọc	Trúc	13.07.90		4.50	4.75	4.00	13.50		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	C	6394	Lê Xuân	Tuấn	30.11.93		3.00	5.00	3.75	12.00		1	(15.03) H. Đoan Hùng
	THV	C	6408	Phạm Thị	Tuyến		02.03.93	4.75	1.50	6.50	13.00		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	TGC	C	4437	Vũ Thị	Vân		14.01.93	6.50	2.00	4.50	13.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	SP2	C	1390	Lê Thị	Yến		22.01.93	5.25	3.50	5.75	14.50		1	(15.03) H. Đoan Hùng
	HCH	C	3851	Nguyễn Thị Hải	Yến		16.05.93	6.50	3.50	6.25	16.50		1	(15.11) H.Tam Nông
	THV	C	6589	Trần Thị Hải	Yến		29.11.92	4.50	2.50	6.50	13.50		1	(15.06) H. Cẩm Khê

Danh sách gồm 58 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (C70) CĐGD Thể chất (TD-CTĐ)

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	TDH	T	99	Đình Văn	Ban	27.10.92		3.50	1.00	8.00	20.50	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	SPH	T	6953	Nguyễn Tiến	Dũng	06.06.91		2.50	0.25	7.00	17.00		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	TDH	T	658	Đình Trung	Hậu	04.01.91		3.75	1.00	5.50	16.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	TDH	T	1096	Hoàng Thị Mỹ	Linh		18.09.93	3.75	2.50	4.00	14.50		1	(15.03) H. Đoan Hùng
	SPH	T	7187	Nhâm Thái	Sơn	27.10.91		3.25	0.75	8.00	20.00		1	(15.11) H. Tam Nông
	TDB	T	460	Lê Minh	Thành	21.10.93		3.25	2.50	4.50	15.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	SP2	T	177	Nguyễn Trường	Thi	22.05.93		4.50	1.00	4.30	14.10		2	(15.01) TP. Việt Trì

Danh sách gồm 7 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (C73) CD Hội họa

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên	Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
					Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	MHNN	23868		Trần Thị A Ly		05.09.93	4.00	7.00	5.00	21.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập

Danh sách gồm 1 sinh viên

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (C75) CĐSP Tiếng Anh

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	SPH	D1	8625	Lê Thị Băng			13.04.90	4.00	2.75	4.00	15.00		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	KHA	D1	504	Hà Đức Bông	20.06.92			6.00	2.75	2.75	14.50	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	DTS	D1	250	Bùi Thị Chang			18.07.92	3.75	1.00	4.00	13.00	01	1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV	D1	6708	Trần Thị Thuỳ Dung			09.03.93	5.50	2.00	3.25	14.00		1	(15.08) H. Thanh Sơn
	THV	D1	6784	Đình Thị Ngọc Giang			15.02.93	3.50	1.50	3.50	12.00	01	1	(15.08) H. Thanh Sơn
	NHH	D1	424	Nguyễn Thu Giang			15.08.90	6.50	0.50	4.00	15.00		1	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV	D1	6806	Nguyễn Thị Thuý Hà			10.01.92	3.50	3.00	5.00	16.50		1	(15.11) H.Tam Nông
	THV	D1	6829	Trần Thị Hải			02.12.93	5.00	2.00	4.00	15.00		1	(15.03) H. Đoàn Hùng
	DTS	D1	954	Đình Thị Hiền			29.03.92	6.00	1.25	2.75	13.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	THV	D1	6912	Nguyễn Thị Thu Hiền			03.09.93	2.50	3.75	3.75	14.00		1	(15.08) H. Thanh Sơn
	DTS	D1	3164	Đình Thị Thoa			23.03.93	6.25	1.25	3.25	14.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	THV	D1	6956	Nguyễn Minh Hoà			10.11.93	4.00	2.50	3.25	13.00	06	2	(15.02) TX. Phú Thọ
	LPH	D1	9764	Lê Thị Thanh Hoài			27.08.93	7.00	1.75	2.25	13.50		1	(15.10) H. Lâm Thao
	THV	D1	6971	Lê Thị Thanh Hòa			08.09.93	3.50	5.50	2.75	14.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	DCN	D1	5557	Lê Đức Huy	31.10.93			4.00	0.75	3.75	12.50		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	D1	7031	Đào Thị Thu Huyền			14.11.93	4.00	1.50	4.50	14.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	THV	D1	7023	Nguyễn Thanh Huyền			04.05.93	3.00	3.00	4.00	14.00		1	(15.13) H.Tân Sơn
	THV	D1	7018	Nguyễn Thị Thu Huyền			28.08.93	5.00	2.00	4.00	15.00		1	(15.03) H. Đoàn Hùng
	THV	D1	7049	Nguyễn Đình Hùng	27.04.92			4.00	2.00	4.25	14.50		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV	D1	7051	Bùi Ngọc Hưng	18.08.93			4.00	4.25	3.75	16.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	THV	D1	7080	Nguyễn Thị Mai Hương			20.04.93	4.00	4.25	4.25	17.00		2	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	D1	7079	Trần Thị Hương			06.09.93	3.25	3.00	3.50	13.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	DCN	D1	6572	Đình Thị Thu Hường			09.01.93	5.00	4.75	4.50	19.00		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	D1	7098	Hà Thị Hường			19.10.93	2.00	3.00	3.00	11.00	01	1	(15.13) H.Tân Sơn
	THV	D1	7100	Lê Thị Thu Hường			07.08.93	3.50	6.50	3.00	16.00		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	SPH	D1	8847	Lê Thị Lan			03.03.93	4.50	3.50	3.50	15.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	THV	D1	7150	Bùi Hồng Lệ			16.02.93	3.50	2.50	3.50	13.00		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	D1	7157	Cao Thị Liên			23.06.93	3.50	5.00	3.50	15.50		2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	THV	D1	7165	Nguyễn Thị Kim Liên			20.09.93	4.50	3.75	3.25	15.00		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV	D1	7204	Nguyễn Thị Thuỳ Linh			01.05.93	3.50	2.25	3.25	12.50	01	1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV	D1	7211	Nguyễn Thị Hà Loan			12.10.93	3.00	2.50	3.50	12.50		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV	D1	7249	Nguyễn Thị Thu Mai			20.03.93	2.00	2.00	5.50	15.00		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV	D1	7316	Trần Văn Nga			11.10.93	3.50	3.00	4.50	15.50		1	(15.03) H. Đoàn Hùng
	THV	D1	7436	Nguyễn Thị Thu Phương			27.08.93	5.50	4.75	2.25	15.00		1	(15.11) H.Tam Nông
	DCN	D1	10488	Phan Thanh Phương			14.04.93	5.00	2.25	4.00	15.50		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	D1	7434	Thạch Quỳnh Phương			26.09.93	3.50	3.00	3.25	13.00		1	(15.04) H.Thanh Ba
	DQK	D1	4291	Lê ánh Phương			19.09.93	6.00	2.25	2.75	14.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	HCH	D1	4688	Lê Thị Minh Phương			10.12.93	6.50	2.75	5.00	19.50		2	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV	D1	7461	Nguyễn Ngọc Phương			17.10.93	3.00	3.25	3.75	14.00		1	(15.03) H. Đoàn Hùng
	THV	D1	7475	Sái Thị Kim Quế			15.03.93	5.00	4.00	4.25	17.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	THV	D1	7478	Hoàng Thị Lệ Quyên			11.05.93	3.00	2.50	3.75	13.00		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	VUI	D1	4272	Nguyễn Thị Thanh			10.09.93	5.00	1.75	2.75	12.50	01	2NT	(15.10) H. Lâm Thao
	THV	D1	7540	Trần Thị Thanh Thanh			05.01.93	4.00	2.00	4.00	14.00	01	1	(15.07) H. Yên Lập
	THV	D1	7588	Nguyễn Phương Thảo			01.08.93	4.00	3.00	2.75	12.50		1	(15.04) H.Thanh Ba
	THV	D1	7558	Nguyễn Thị Minh Thái			07.11.93	5.00	1.50	3.75	14.00		1	(15.08) H. Thanh Sơn
	DCN	D1	112170	Lê Mạnh Thăng	10.02.93			4.00	1.25	4.00	13.50		1	(15.05) H. Hạ Hoà
	THV	D1	7592	Phùng Văn Thập	16.03.90			3.00	2.50	4.75	15.00	01	1	(15.13) H.Tân Sơn
	THV	D1	7652	Nguyễn Thị Thu Thủy			02.12.93	3.50	3.00	5.25	17.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	THV	D1	7643	Hà Thị Thuý			19.06.93	5.00	1.75	5.00	17.00		2	(15.04) H.Thanh Ba
	DCN	D1	113145	Trần Thị Minh Thúy			28.08.93	5.00	2.75	3.50	15.00		2	(15.02) TX. Phú Thọ

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NV2 - 2011

Ngành: (C75) CĐSP Tiếng Anh

TT	Tr	Kh	BD	Họ và tên		Ngày sinh		Điểm thi			Tổng	ĐT	KV	Hộ khẩu TT
						Nam	Nữ	M1	M2	M3				
	THV	D1	7709	Nguyễn Thanh	Toàn	11.11.92		3.50	5.00	2.50	13.50		1	(15.12) H. Thanh Thủy
	THV	D1	7725	Bùi Thị Thu	Trang		09.06.93	3.50	4.00	2.50	12.50		1	(15.04) H. Thanh Ba
	THV	D1	7730	Hán Thị Thu	Trang		10.02.93	5.50	2.50	3.75	15.50		1	(15.11) H. Tam Nông
	DCN	D1	113834	Hoàng Thị Kiều	Trang		08.10.93	6.25	2.25	3.75	16.00		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	THV	D1	7731	Hoàng Thị Thu	Trang		15.03.92	3.50	3.50	3.75	14.50		2NT	(15.06) H. Cẩm Khê
	VHH	D1	6433	Nguyễn Thị	Tuyết		07.02.93	4.00	2.00	2.25	10.50	01	1	(15.12) H. Thanh Thủy
	SPH	D1	9203	Hạ Thị	Tư		15.12.92	4.50	3.50	3.25	14.50		2NT	(16.04) H. Vĩnh Tường
	QHF	D1	6178	Nguyễn Thị Hải	Vân		19.11.93	5.75	1.00	3.25	13.50		2	(15.02) TX. Phú Thọ
	THV	D1	7870	Bùi Thị Hải	Yến		19.04.92	4.50	2.75	4.75	17.00		2	(15.01) TP. Việt Trì
	THV	D1	7875	Đỗ Thị Hải	Yến		05.03.93	5.00	2.00	3.25	13.50		2	(15.01) TP. Việt Trì

Danh sách gồm 60 sinh viên